

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-12-2023
V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thu Cúc;

Ông Vũ Văn Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị N, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N và anh Hoàng Văn H quen biết trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu trước trong khoảng thời gian 07 tháng. Anh, chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2014,

sau đó về chung sống với gia đình anh Hoàng Văn H ở thôn X, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thời gian đó anh, chị chưa đi đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau, giữa chị Lường Thị N và anh Hoàng Văn H xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh, chị thường xuyên xảy ra cãi vã nên từ giữa năm 2015 chị Lường Thị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang sinh sống từ đó đến nay. Chị Lường Thị N xác định không còn tình cảm với anh Hoàng Văn H, không muốn kéo dài quan hệ sống chung, giữa anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định do vậy chị Lường Thị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện C xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lường Thị N và anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Chị Lường Thị N và anh Hoàng Văn H có 01 con chung là cháu Lường Gia H1, sinh ngày 01/12/2015. Khi anh, chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ly thân thì chị N đang mang thai cháu Lường Gia H1, sau đó chị N về bên ngoại ở và sinh cháu H1 bên đó, khi đi khai sinh chị N lấy họ bên ngoại cho cháu H1. Và từ đó đến nay chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 do vậy khi giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng, chị Lường Thị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lường Gia H1 và không yêu cầu anh Hoàng Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày: Việc anh H và chị Lường Thị N tìm hiểu nhau, chung sống với nhau như vợ chồng và phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân đúng như chị Lường Thị N trình bày. Anh Hoàng Văn H đồng ý với yêu cầu của chị Lường Thị N về việc đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh H và chị N là vợ chồng vì không đăng ký kết hôn. Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng Văn H đồng ý với phần trình bày và yêu cầu của chị Lường Thị N và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của cháu Lường Gia H1, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Lường Thị N khi bố mẹ không còn chung sống với nhau.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày

06/01/2016; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị N và anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Giao cháu Lương Gia H1, sinh ngày 01/12/2015 cho chị Lương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không có.

Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị Lương Thị N cung cấp gồm có: Đơn khởi kiện, giấy tờ tùy thân của chị Lương Thị N, anh Hoàng Văn H, giấy khai sinh của con chung, bản tự khai.

Bị đơn anh Hoàng Văn H cung cấp bản tự khai.

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm có: Biên bản lấy lời khai của cháu Lương Gia H1, Thông báo số 48/UBND-TB ngày 31/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và Công văn số 90/UBND ngày 23/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn H.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lương Thị N khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình trong trường hợp xác định không có đăng ký kết hôn, tranh chấp nuôi con chung. Bị đơn anh Hoàng Văn H có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang cư trú tại thôn X, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, do vậy Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn, chị Lương Thị N và anh Hoàng Văn H có chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của bị đơn anh Hoàng Văn H, phù hợp với văn bản cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang là nơi nguyên đơn và bị đơn sinh sống. Như vậy, việc sống chung như vợ chồng giữa chị Lương Thị N và anh Hoàng Văn H không được pháp luật công nhận, mặt khác thực tế cuộc sống giữa chị Lương Thị N và anh Hoàng Văn H có nhiều mâu thuẫn, đã chấm dứt việc sống chung từ tháng 02/2016 đến nay. Do vậy Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ không công nhận chị Lương Thị N và anh Hoàng Văn H là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh Hoàng Văn H và chị Lương Thị N đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Lương Gia H1, sinh ngày 01/12/2015. Từ khi anh H và chị N chấm dứt việc sống chung, cháu Lương Gia H1 sinh sống cùng với chị Lương Thị N tại xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay cháu H1 do chị Lương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh Hoàng Văn H đồng ý với yêu cầu của chị Lương Thị N về việc để chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Gia H1 và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy việc anh H và chị N thống nhất về việc nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự, phù hợp với điều kiện thực tế cuộc sống, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu Lương Gia H1 nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung nợ chung: Không có, không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lương Thị N là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về các nội dung phải giải quyết của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 266, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lương Thị N và anh Hoàng Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Gia H1, sinh ngày 01/12/2015 cho chị Lương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Lương Thị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003395 ngày 03 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lương Thị N có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hoàng Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA DS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Cẩm Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Thế Khuynh

